

## MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU .....	1
ĐĂNG KÝ HỌC PHẦN.....	5
1. Các loại học phần.....	5
2. Đăng ký học lại.....	5
3. Đăng ký học cải thiện điểm.....	5
4. Số tín chỉ đăng ký trong một học kỳ.....	5
5. Đăng ký học phần .....	6
6. Một số lưu ý khi đăng ký học .....	6
HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ HỌC TRỰC TUYẾN .....	21
1. Truy cập.....	21
2. Đổi mật khẩu .....	22
3. Kiểm tra thông tin cá nhân .....	22
4. Đăng ký học phần .....	23
5. Kết thúc chương trình .....	27
ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC MIỄN HỌC VÀ HỌC VƯỢT MÔN TIẾNG ANH.....	28
MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý TRONG QUY CHẾ ĐÀO TẠO .....	29
1. Thi kết thúc học phần.....	29
2. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần.....	29
3. Điểm chung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.....	29
4. Cách tính điểm chung bình chung .....	30
5. Xử lý học vụ .....	31
6. Điều kiện tốt nghiệp.....	32
7. Chuyển đổi sinh viên giữa các chương trình đào tạo.....	32
ĐƠN XIN LÙI THỜI HẠN XÉT TỐT NGHIỆP .....	34
KẾ HOẠCH HỌC TẬP TOÀN KHOẢ.....	35

## LỜI MỞ ĐẦU

Sổ tay học vụ được Nhà trường phát hành vào đầu mỗi năm học, cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến học vụ nhằm giúp các bạn sinh viên có thể tổ chức tốt kế hoạch học tập của mình.

Khi cần được giải đáp các vấn đề liên quan đến học vụ, sinh viên có thể:

1. Trình bày với cố vấn học tập để được giải đáp cụ thể.
2. Trình bày rõ ràng bằng văn bản nộp tại **Phòng 104-E3**.
3. Trình bày và gửi qua địa chỉ email: [daotao\\_dhcn@vnu.edu.vn](mailto:daotao_dhcn@vnu.edu.vn).

Bên cạnh đó, yêu cầu sinh viên có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra hộp thư điện tử do nhà trường cung cấp cho từng sinh viên vào đầu khóa học, Phòng Đào tạo sẽ sử dụng địa chỉ hòm thư này để gửi các thông tin liên quan và liên hệ với sinh viên khi cần.

Nhà trường hy vọng các bạn sinh viên sẽ sử dụng cuốn sổ tay học vụ hữu ích để cùng với sự trợ giúp của cố vấn học tập tổ chức tốt kế hoạch học tập của mình.

PHÒNG ĐÀO TẠO

## KẾ HOẠCH HỌC TẬP ĐẠI HỌC NĂM HỌC 2018-2019

### HỌC KỲ I (20/08/2018÷20/01/2019)

TT	Tuần	Học tập		Các công việc khác
		QH-(2018)-I/CQ	QH-(2017,2016,2015)-I/CQ QH-2014-I/CQ-H/N	
1	20/08/2018÷26/08/2018	Sinh hoạt công dân - sinh viên	Sinh hoạt công dân - sinh viên	- P.ĐT gửi DS LMH (tạm thời) tới GV; Hoàn thiện điểm học kỳ phụ. - Kiểm tra các công tác chuẩn bị cho năm học mới.
2	27/08/2018÷02/09/2018	Học chuyên môn (tuần 1)	Học chuyên môn (tuần 1)	- Họp Hội đồng xét học vụ; Kiểm tra điều kiện tốt nghiệp của SV năm cuối. - Nghị Quốc khánh 02/9/2018 (Lịch dạy/học bù theo lịch GV đăng ký với P.ĐT).
3	03/09/2018÷09/09/2018	Học chuyên môn (tuần 2)	Học chuyên môn (tuần 2)	- Khai giảng năm học 2018-2019 (GV và SV khóa QH-2018 nghỉ dạy/học để tham dự Lễ khai giảng, lịch dạy/học bù theo lịch GV đăng ký với P.ĐT). - Các Khoa làm việc với SV diện cảnh báo học vụ.
4	10/09/2018÷16/09/2018	Học chuyên môn (tuần 3)	Học chuyên môn (tuần 3)	- Thông báo kết quả đăng ký môn học và gửi DS LM chính thức tới GV. - Xét tốt nghiệp đợt tháng 9.
5	17/09/2018÷23/09/2018	Học chuyên môn (tuần 4)	Học chuyên môn (tuần 4)	- Hoàn tất công tác tuyển sinh ĐHCQ năm 2018. - P.ĐT công bố DS SV đủ điều kiện làm KLTN/ĐATN đợt 1/2019.
6	24/09/2018÷30/09/2018	Học chuyên môn (tuần 5)	Học chuyên môn (tuần 5)	P.ĐT làm việc với SV năm thứ tư về các công tác đào tạo cuối khóa học.
7	01/10/2018÷07/10/2018	Học chuyên môn (tuần 6)	Học chuyên môn (tuần 6)	QĐ DS SV làm KLTN/ĐATN đợt 1/2019.
8	08/10/2018÷14/10/2018	Học chuyên môn (tuần 7)	Học chuyên môn (tuần 7)	P.ĐT làm việc với SV năm thứ nhất về các công tác đào tạo đầu khóa học.
9	15/10/2018÷21/10/2018	Học chuyên môn (tuần 8)	Học chuyên môn (tuần 8)	- Các Khoa cử CBHD KLTN/ĐATN, SV đăng ký đề tài và CBHD đợt 1/2019. - P.ĐT phối hợp với các Khoa kiểm tra tiến độ giảng dạy và học tập.
10	22/10/2018÷28/10/2018	Học chuyên môn (tuần 9)	Học chuyên môn (tuần 9)	- Hội nghị đối thoại SV cấp Khoa. Dự kiến Lịch thi HKI. - Triển khai Quảng bá tuyển sinh.
11	29/10/2018÷04/11/2018	Học chuyên môn (tuần 10)	Học chuyên môn (tuần 10)	- Dự kiến TKB HKII; Hội nghị đối thoại SV cấp Trường.
12	05/11/2018÷11/11/2018	Học chuyên môn (tuần 11)	Học chuyên môn (tuần 11)	- SV làm KLTN/ĐATN đợt 1/2019 bắt đầu thực hiện; Công bố Lịch thi HKI.
13	12/11/2018÷18/11/2018	Học chuyên môn (tuần 12)	Học chuyên môn (tuần 12)	- Các Khoa phân công CBPB ĐATN/KLTN đợt 2/2018. - Đánh giá SV tốt nghiệp theo CĐR đợt 1/2018.
14	19/11/2018÷25/11/2018	Học chuyên môn (tuần 13)	Học chuyên môn (tuần 13)	- Tổ chức gặp mặt GV thỉnh giảng nhân dịp 20-11. - Hoàn thiện Hồ sơ tốt nghiệp của SV ngành CHKT; - Thông báo TKB HKII.
15	26/11/2018÷02/12/2018	Học chuyên môn (tuần 14)	Học chuyên môn (tuần 14)	- SV đăng ký học HKII. - SV năm cuối nộp ĐATN/KLTN; Gửi Giấy mời CBHD/PB đợt 2/2018.
16	03/12/2018÷09/12/2018	Học chuyên môn (tuần 15)	Học chuyên môn (tuần 15)	Rà soát các điều kiện đảm bảo chất lượng và xây dựng kế hoạch nhiệm vụ đào tạo năm 2019.
17	10/12/2018÷16/12/2018	Thi cuối học kỳ (tuần 1)	Học chuyên môn (dự phòng)	- Bảo vệ/chăm ĐATN/KLTN đợt 2/2018 cho SV.

TT	Tuần	Học tập		Các công việc khác
		QH-(2018)-I/CQ	QH-(2017,2016,2015)-I/CQ QH-2014-I/CQ-H/N	
18	17/12/2018÷23/12/2018	Thi cuối học kỳ (tuần 2)	Thi cuối học kỳ (tuần 1)	- Xét tốt nghiệp đợt tháng 12. - Báo cáo kết quả tuyển sinh năm 2018.
19	24/12/2018÷30/12/2018	Học GDQP (tuần 1)	Thi cuối học kỳ (tuần 2)	- P.ĐT gửi DS LMH (tạm thời) HKII tới GV. - Sinh viên năm 1 học GDQP tập trung 4 tuần tại Hòa Lạc. - Hoàn thiện báo cáo gửi Bộ GDĐT và Bộ TTTT về đào tạo ngắn hạn 6 tháng cuối năm 2018.
20	31/12/2018÷06/01/2019	Học GDQP (tuần 2)	Thi cuối học kỳ (tuần 3)	Triển khai công tác học liệu năm 2019.
21	07/01/2019÷13/01/2019	Học GDQP (tuần 3)	Lễ tốt nghiệp (đợt 2 năm 2017)	
22	14/01/2019÷20/01/2019	Học GDQP (tuần 4)	Kỳ phụ HK1	Hoàn thiện điểm HKI; Họp Hội đồng xét học vụ;

### HỌC KỲ II (21/01/2019÷30/06/2019)

TT	Tuần	Học tập		Các công việc khác
		QH-(2017)-I/CQ	QH-(2016, 2015, 2014)-I/CQ	
23	21/01/2019÷27/01/2019	Học chuyên môn (tuần 1)	Học chuyên môn (tuần 2)	Sơ kết công tác đào tạo HKI; Các Khoa họp với SV diện cảnh báo học vụ.
24	28/01/2019÷03/02/2019	Nghỉ Tết Nguyên đán	Nghỉ Tết Nguyên đán	
25	04/02/2019÷10/02/2019	Nghỉ Tết Nguyên đán	Nghỉ Tết Nguyên đán	
26	11/02/2019÷17/02/2019	Học chuyên môn (tuần 2)	Học chuyên môn (tuần 2)	Thông báo kết quả đăng ký môn học và gửi DS LMH cho GV.
27	18/02/2019÷24/02/2019	Học chuyên môn (tuần 3)	Học chuyên môn (tuần 3)	- Cập nhật thông tin tuyển sinh lên công thông tin của Bộ GDĐT
28	25/02/2019÷03/03/2019	Học chuyên môn (tuần 4)	Học chuyên môn (tuần 5)	Hội nghị SV NCKH cấp Khoa.
29	04/03/2019÷10/03/2019	Học chuyên môn (tuần 5)	Học chuyên môn (tuần 6)	- Hội nghị đối thoại SV cấp Khoa.
30	11/03/2019÷17/03/2019	Học chuyên môn (tuần 6)	Học chuyên môn (tuần 7)	- P.ĐT phối hợp với các Khoa kiểm tra tiến độ giảng dạy và học tập.
31	18/03/2019÷24/03/2019	Học chuyên môn (tuần 7)	Học chuyên môn (tuần 8)	- Công bố Đề án tuyển sinh năm 2019 - Xét tốt nghiệp đợt tháng 3.
32	25/03/2019÷31/03/2019	Học chuyên môn (tuần 8)	Học chuyên môn (tuần 9)	- Hội nghị đối thoại SV cấp Trường.
33	01/04/2019÷07/04/2019	Học chuyên môn (tuần 9)	Học chuyên môn (tuần 10)	- Thông báo Tuyển sinh bằng kép. - P.ĐT công bố DS SV đủ điều kiện làm KLTN/ĐATN đợt 2/2019.
34	08/04/2019÷14/04/2019	Học chuyên môn (tuần 10)	Học chuyên môn (tuần 11)	- Hội nghị SV NCKH cấp Trường; Khoa phân công CBPB KLTN/ĐATN đợt 1/2019. - Nghị Giỗ tổ Hùng Vương (Lịch dạy/học bù bố trí vào tuần dự phòng).
35	15/04/2019÷21/04/2019	Học chuyên môn (tuần 11)	Học chuyên môn (tuần 12)	- Hoàn thiện Hồ sơ tốt nghiệp của SV. - SV nộp ảnh để dán bằng TN.
36	22/04/2019÷28/04/2019	Học chuyên môn (tuần 12)	Học chuyên môn (tuần 13)	- SV nộp KLTN/ĐATN đợt 1/2019 và gửi Giấy mời CBHD/PB.

TT	Tuần	Học tập		Các công việc khác
		QH-(2017)-I/CQ	QH-(2016, 2015, 2014)-I/CQ	
37	29/04/2019÷05/05/2019	Học chuyên môn (tuần 13)	Học chuyên môn (tuần 14)	- Các Khoa phân công giảng dạy HK phụ và năm học 2019-2020. - Nghỉ ngày lễ 30/4 và 1/5 (Lịch dạy/học bù bố trí vào tuần dự phòng).
38	06/05/2019÷12/05/2019	Học chuyên môn (tuần 14)	Học chuyên môn (tuần 15)	- QĐ DS SV làm KLTN/ĐATN đợt 2/2019.
39	13/05/2019÷19/05/2019	Học chuyên môn (tuần 15)	Học chuyên môn (dự phòng)	- SV năm cuối Bảo vệ KLTN/ĐATN đợt 1/2019. - Thông báo TKB học kỳ phụ và SV đăng ký học.
40	20/05/2019÷26/05/2019	Học chuyên môn (dự phòng)	Học chuyên môn (dự phòng)	- Các Khoa cử CBHD KLTN/ĐATN, SV đăng ký đề tài và CBHD đợt 2/2019. - Các Khoa hoàn thiện điểm KLTN/ĐATN đợt 1/2019 và nộp cho P.ĐT.
41	27/05/2019÷02/06/2019	Thi cuối học kỳ (tuần 1)	Thi cuối học kỳ (tuần 1)	- Sinh viên năm cuối sinh hoạt cuối khóa.
42	03/06/2019÷09/06/2019	Thi cuối học kỳ (tuần 2)	Thi cuối học kỳ (tuần 2)	- Hội nghị đào tạo cấp Khoa. - Đánh giá SV tốt nghiệp theo CĐR đợt 2/2018.
43	10/06/2019÷16/06/2019	Thi cuối học kỳ (tuần 3)	Thi cuối học kỳ (tuần 3)	Xét tốt nghiệp đợt tháng 6.
44	17/06/2019÷23/06/2019	Hoàn thiện điểm HK; Dự kiến TKB HKI năm học 2019-2020.		Các khoa cập nhật CTĐT, đề cương, ngân hàng câu hỏi.
45	24/06/2019÷30/06/2019	Lễ tốt nghiệp (đợt 1 năm 2019); Sơ kết công tác đào tạo học kỳ II.		Hoàn thiện báo cáo gửi Bộ GDĐT và Bộ TTTT về đào tạo ngắn hạn 6 tháng năm 2019

### HỌC KỲ PHỤ (01/07/2019÷18/08/2019)

TT	Thời gian	QH-2017-I/CQ, QH-2012-I/CQ	Ghi chú
46	01/07/2019÷07/07/2019	Học chuyên môn (tuần 1)	Hội nghị đào tạo cấp Trường.
47	08/07/2019÷14/07/2019	Học chuyên môn (tuần 2)	Công bố TKB HKI năm học 2019-2020.
48	15/07/2019÷21/07/2019	Học chuyên môn (tuần 3)	QĐ Danh sách sinh viên theo học các định hướng.
49	22/07/2019÷28/07/2019	Học chuyên môn (tuần 4)	- SV đăng ký học. - Xét tuyển đại học năm 2019
50	29/07/2019÷04/08/2019	Học chuyên môn (tuần 5)	
51	05/08/2019÷11/08/2019	Học chuyên môn (tuần 6)	Triệu tập nhập học năm 2019
52	12/08/2019÷18/08/2019	Thi cuối học kỳ	
Bắt đầu năm học mới 2019 - 2020			

## ĐĂNG KÝ HỌC PHẦN

### 1. Các loại học phần

a) Học phần bắt buộc là học phần có những nội dung kiến thức chính của chương trình đào tạo. Sinh viên bắt buộc phải hoàn thành học phần này;

b) Học phần tự chọn có điều kiện là học phần có những nội dung kiến thức thể hiện tính đa dạng của chương trình đào tạo. Sinh viên lựa chọn trong số các học phần tự chọn theo quy định của chương trình đào tạo để hoàn thành học phần;

c) Học phần tự chọn tự do là học phần do sinh viên chọn theo nhu cầu cá nhân. Kết quả đánh giá học phần tự chọn tự do không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, nhưng được ghi vào bảng điểm cấp kèm theo bằng tốt nghiệp đối với trường hợp đạt điểm D trở lên;

d) Học phần tiên quyết của một học phần là học phần bắt buộc sinh viên phải hoàn thành trước khi học học phần đó;

e) Khóa luận, đồ án tốt nghiệp là học phần bắt buộc đối với chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế, chất lượng cao và là học phần tự chọn có điều kiện đối với chương trình đào tạo chuẩn;

f) Học phần điều kiện là các học phần ngoại ngữ, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh và kỹ năng bổ trợ. Kết quả đánh giá các học phần điều kiện không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, nhưng là điều kiện để xét tốt nghiệp.

### 2. Đăng ký học lại

a) Đối với các học phần bắt buộc, nếu bị điểm F, sinh viên phải đăng ký học lại học phần đó;

b) Đối với học phần tự chọn có điều kiện, nếu bị điểm F, sinh viên đăng ký học lại học phần đó hoặc đăng ký học học phần tự chọn khác cùng khối kiến thức để thay thế.

### 3. Đăng ký học cải thiện điểm

Đối với các học phần đạt điểm D, D<sup>+</sup>, sinh viên được đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần khác (nếu là học phần tự chọn có điều kiện) để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy. Điểm học phần cũ bị hủy bỏ khi việc đăng ký học lại để cải thiện điểm được chấp nhận và sẽ được thay bằng điểm học phần để cải thiện điểm.

### 4. Số tín chỉ đăng ký trong một học kỳ

Để đảm bảo tiến độ thời gian hoàn thành khóa học và đảm bảo chất lượng học tập, mỗi học kỳ sinh viên đăng ký với số lượng tín chỉ (không bao gồm các học phần ngoại ngữ, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh, kỹ năng bổ trợ, cải thiện điểm, tự chọn tự do) như sau:

Học kỳ chính, không tính học kỳ cuối khóa: tất cả sinh viên phải thực hiện đăng ký lớp học phần trước khi học kỳ mới bắt đầu. Số tín chỉ tối thiểu sinh viên phải đăng ký: 14 tín chỉ đối với sinh viên hệ chuẩn, 16 tín chỉ đối với chất lượng cao và chuẩn quốc tế. Số tín chỉ tối đa được phép đăng ký: 25 tín chỉ đối với sinh viên theo học một ngành, 28 tín chỉ đối với sinh viên theo học bằng kép. Chỉ những sinh viên đăng ký 14 tín chỉ trở lên mới được xét học bổng khuyến khích học tập. Trường hợp sinh viên có nguyện vọng đăng ký học ít hơn số tín chỉ tối thiểu trong một học kỳ phải được sự đồng ý của Thủ trưởng đơn vị đào tạo.

Học kỳ phụ: không bắt buộc, sinh viên đăng ký học theo nguyện vọng.

Sinh viên thuộc diện cảnh báo học vụ: tổng số tín chỉ đăng ký học (tối thiểu, tối đa) sẽ do Khoa và Phòng Đào tạo tư vấn và quy định cụ thể đối với từng trường hợp.

## **5. Đăng ký học phần**

**Chú ý:** Đầu khóa học Nhà trường sẽ cung cấp cho sinh viên chương trình đào tạo ngành học, quy chế đào tạo và bố trí Cố vấn học tập. Sinh viên liên hệ với Cố vấn học tập để xây dựng kế hoạch học tập toàn khóa (Mẫu 3) và nộp lại cho Phòng Đào tạo.

**Bước 1:** Đầu mỗi học kỳ, sinh viên căn cứ vào kế hoạch học tập của mình cùng với tư vấn của CVHT và thời khóa biểu do trường công bố để đăng ký lớp học phần trực tuyến theo kế hoạch chung của Nhà trường. Nếu sinh viên không đăng ký học nhà trường xem như sinh viên đã bỏ học ở học kỳ đó. (Chú ý: sinh viên mới trúng tuyển, không phải đăng ký lớp học phần cho học kỳ đầu tiên của khóa học, các học phần của học kỳ này sẽ do Nhà trường bố trí).

**Bước 2:** Ngày 03/12/2018 P.ĐT công bố kết quả đăng ký học học kỳ II năm học 2018-2019 của sinh viên trên Website, sinh viên có trách nhiệm kiểm tra tổng số tín chỉ đã đăng ký, tên của sinh viên trong Danh sách lớp môn học đã đăng ký và loại môn học. Yêu cầu sinh viên kiểm tra kết quả đăng ký học của mình, nếu có vướng mắc gì sinh viên liên hệ với P.ĐT thời gian từ ngày 04/12/2018 ÷ 07/12/2018 để được hỗ trợ giải quyết (điều kiện để được mở lớp: sĩ số đăng ký  $\geq$  20 sinh viên)

**Bước 3:** Từ ngày 21/01/2019, SV đi học theo kết quả đăng ký học đã được P.ĐT thông báo, nếu có phát sinh gì SV nộp đơn điều chỉnh đăng ký học tại P.ĐT (P.105-E3) trong hai tuần đầu học kỳ để được xem xét giải quyết./.

**Khi gặp khó khăn về đăng ký học sinh viên có thể liên hệ trực tiếp  
với Phòng Đào tạo. Số ĐT: 024.37547865**

## **6. Một số lưu ý khi đăng ký học**

- Thời gian của khóa học đào tạo chính quy theo chương trình đào tạo chuẩn, chất lượng cao và đạt chuẩn quốc tế tương ứng là 8 học kỳ chính đối với đào tạo cử nhân, 9 học kỳ chính đối với đào tạo kỹ sư. Thời gian được phép tạm ngừng học để củng cố kiến thức, cải thiện kết quả học tập là 4 học kỳ chính, do đó sinh viên cần phải tính toán, lập kế hoạch để hoàn thiện được chương trình đào tạo trong thời gian của khóa học.

- Trước khi đăng ký học phần chính thức, sinh viên cần kiểm tra thật cẩn thận các thông tin sau:

- Ngày giờ đăng ký và thời hạn chót để đăng ký;
- Tên và mã số học phần, lớp học phần;
- Điều kiện tiên quyết của học phần có được bảo đảm hay không.
- Các lớp học phần có bị trùng lặp về thời gian học không.
- Có bảo đảm khối lượng học tập tối thiểu (hoặc tối đa) hay không.

- Trong 2 tuần đầu của học kỳ chính, sinh viên được phép đăng ký những học phần muốn học thêm hoặc đăng ký đổi sang lớp học phần khác.

- Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký theo nhu cầu và khả năng lựa chọn của sinh viên chỉ được chấp nhận:

- Sinh viên có đơn trình bày rõ lý do xin rút bớt học phần (có ý kiến của CVHT), nộp tại P. 105-E3 chậm nhất 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính.
- Được Nhà trường đồng ý.

Ngoài thời hạn trên, học phần vẫn được giữ nguyên, nếu sinh viên không học sẽ phải nhận điểm F và không được trả lại học phí.

- Phần giảng dạy lý thuyết được tổ chức tại giảng đường, phòng học theo công bố trên Thời khóa biểu. Mỗi lớp từ 20 đến 140 sinh viên. Các nhóm bài tập/ thực hành/ thực tập mỗi nhóm từ 20 đến 40 sinh viên. Nếu vì lý do khách quan như sĩ số sinh viên các chuyên ngành ít, do chương trình đào tạo cập nhật thay đổi... không thể thực hiện theo đúng quy định này, Phòng Đào tạo phải báo cáo Hiệu trưởng đối với từng trường hợp cụ thể để xem xét giải quyết. Trường hợp các lớp học phần không đủ sĩ số sinh viên để mở lớp, Phòng đào tạo sẽ ra thông báo ngày 03/12/2018 hủy học phần của những sinh viên đã đăng ký. Sinh viên có trách nhiệm liên hệ với Phòng Đào tạo để đăng ký lại học phần theo thời gian Phòng Đào tạo quy định trong thông báo.

- Đối với môn Giáo dục thể chất: sinh viên phải học đủ 4 tín chỉ bố trí đều thành 4 học phần (trong đó bắt buộc phải học 01 tín chỉ là học phần Lý luận giáo dục thể chất hoặc học phần Bóng chuyền hơi) và mỗi SV chỉ được đăng ký học một học phần trong một học kỳ. Nếu cố tình đăng ký 2 học phần sẽ bị hủy 01 học phần và không công nhận kết quả học tập của học phần thứ hai.

Địa điểm học: Sân vận động đa năng đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội.



## THỜI GIAN HỌC TẬP VÀ GIẢNG DẠY

SÁNG			CHIỀU			TỐI		
Tiết	Thời gian học	Nghỉ	Tiết	Thời gian học	Nghỉ	Tiết	Thời gian học	Nghỉ
1	07h00' ÷ 07h50'	10'	7	13h00' ÷ 13h50'	10'	13	19h00' ÷ 19h50'	10'
2	08h00' ÷ 08h50'	10'	8	14h00' ÷ 14h50'	10'	14	20h00' ÷ 20h50'	
3	09h00' ÷ 09h50'	10'	9	15h00' ÷ 15h50'	10'			
4	10h00' ÷ 10h50'	10'	10	16h00' ÷ 16h50'	10'			
5	11h00' ÷ 11h50'	10'	11	17h00' ÷ 17h50'	10'			
6	13h00' ÷ 13h50'	10'	12	18h00' ÷ 18h50'	10'			

**Ghi chú:** Áp dụng thống nhất đối với cả giờ học tại giảng đường, tại phòng máy tính, phòng thí nghiệm.

**DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN GIẢNG DẠY  
TRONG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2018-2019**

Tư vấn	Lớp học phần	Tên học phần	TC	LT	ThH	TH	Mã học phần tiên quyết
<b>QH-2018-I/CQ-AE</b>	INT1006 6	Tin học cơ sở 4	3	20	23	3	
	FLF2102 11	Tiếng Anh cơ sở 2	5	20	50	5	FLF2101
	PHY1103 4	Điện và Quang	3	32	10	3	PHY1100
	MAT1042 11	Giải tích 2	4	30	30		MAT1041
	PHI1005 12	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	36	9		PHI1004
		<i>Học phần bổ trợ 2 tín chỉ</i>	2				
	MNS1052 1	Khoa học quản lý đại cương	2	20	10		
<b>QH-2018-I/CQ-N, C-B,C,D,E,CLC</b>	INT2202 1,2,3,4,5	Lập trình nâng cao	3	30	15		INT1006
	FLF2102 13,14,15,16,17 ,18,19,20	Tiếng Anh cơ sở 2	5	20	50	5	FLF2101
	PHY1103 7,8,9,11,12	Điện và Quang	3	32	10	3	PHY1100
	MAT1041 1,2	Giải tích 1 (dành cho sv chưa học trong HK I)	4	30	30		
	MAT1093 1,2,3	Đại số (dành cho sv chưa học trong HK I)	4	45	15		
	PHI1005 6,7,8,9,10	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	36	9		PHI1004
	INT1050 1,2,3,4,5	Toán học rời rạc	4	45	15		
<b>QH-2018-I/CQ-H</b>	INT1006 1	Tin học cơ sở 4	3	20	23	3	
	FLF2102 1	Tiếng Anh cơ sở 2	5	20	50	5	FLF2101
	PHY1103 1	Điện và Quang	3	32	10	3	PHY1100
	MAT1042 1	Giải tích 2	4	30	30		MAT1041
	PHI1005 1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	36	9		PHI1004
		<i>Học phần bổ trợ 2 tín chỉ</i>	2				
	ELT2028 1,2	Chuyên nghiệp trong công nghệ	2	30			
	MAT1100 1,2	Tối ưu hóa	2	30			
<b>QH-2018-I/CQ-M1,M2</b>	INT1006 2,3	Tin học cơ sở 4	3	20	23	3	
	FLF2102 5,6,7,8	Tiếng Anh cơ sở 2	5	20	50	5	FLF2101
	PHY1103 2,3	Điện và Quang	3	32	10	3	PHY1100
	MAT1042 2,3	Giải tích 2	4	30	30		MAT1041
	PHI1005 2,3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	36	9		PHI1004
<b>QH-2018-I/CQ-RB</b>	FLF2102 23,24	Tiếng Anh cơ sở 2	5	20	50	5	FLF2101
	RBE1002 1	Nhập môn lập trình Robot	3	30	15		
	RBE2001 1	Vẽ kỹ thuật	2	15	15		
	PHY1103 2,3	Điện và Quang	3	32	10	3	PHY1100
	MAT1042 2,3	Giải tích 2	4	30	30		MAT1041
PHI1005 2,3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	36	9		PHI1004	

Tư vấn	Lớp học phần	Tên học phần	TC	LT	ThH	TH	Mã học phần tiên quyết
	MAT1041 3	Giải tích 1	4	30	30		
	EPN1095 3	Vật lý đại cương 1	2	30			
	RBE1001 1	Trải nghiệm và khám phá về Robot	2	15	15		
<b>QH-2018-I/CQ-V1,2</b>	INT1006 4,5	Tin học cơ sở 4	3	20	23	3	
	FLF2102 3,4	Tiếng Anh cơ sở 2	5	20	50	5	FLF2101
	PHY1103 5,6	Điện và Quang	3	32	10	3	PHY1100
	MAT1042 4,14	Giải tích 2	4	30	30		MAT1041
	PHI1005 4,5	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	36	9		PHI1004
		<i>Học phần bổ trợ 2 tín chỉ</i>	2				
	ELT2028 1,2	Chuyên nghiệp trong công nghệ	2	30			
	MAT1100 1,2	Tối ưu hóa	2	30			
<b>QH-2018-I/CQ-XD</b>	INT1006 6	Tin học cơ sở 4	3	20	23	3	
	FLF2102 12	Tiếng Anh cơ sở 2	5	20	50	5	FLF2101
	MAT1042 11	Giải tích 2	4	30	30		MAT1041
	CHE1080 1	Hóa đại cương	3	35	10		
	CTE2001 1	Cơ học môi trường liên tục	3	35	10		
	PHI1005 12	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	36	9		PHI1004
	HIS1002 1	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	42	3		POL1001
	EMA2037 4	Cơ học kỹ thuật 2	3	30	15		
	EMA2004 1	Cơ học môi trường liên tục	4	45	15		PHY1103 MAT1093 MAT1042 EMA2041
<b>QH-2018-I/CQ-J</b>	INT2202 6	Lập trình nâng cao	3	30	15		INT1006
	FLF2102 21,22	Tiếng Anh cơ sở 2	5	20	50	5	FLF2101
	PHY1103 7,8,9,11,12	Điện và Quang	3	32	10	3	PHY1100
	MAT1042 10	Giải tích 2	4	30	30		MAT1041
	MAT1093 4	Đại số	4	45	15		
	PHI1005 11	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	36	9		PHI1004
	INT1050 6	Toán học rời rạc	4	45	15		
JAP4022 1,2,3	Tiếng Nhật 1B	4	16	40	4		
<b>QH-2018-I/CQ-K1,K2</b>	FLF2102 10,25	Tiếng Anh cơ sở 2	5	20	50	5	FLF2101
	EPN1095 1,2	Vật lý đại cương 1	2	30			
	MAT1042 12,13	Giải tích 2	4	30	30		MAT1041
	MAT1093 5,6	Đại số	4	45	15		
	PHI1005 11	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	36	9		PHI1004
	INT2290 1,2	Lập trình	3	30	15		INT1006
<b>QH-2017-I/CQ-AE</b>	INT2203 1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	30	15		INT1006
	EMA2008 1	Cơ học chất lỏng	4	45	15		

Tư vấn	Lớp học phần	Tên học phần	TC	LT	ThH	TH	Mã học phần tiên quyết
	AER2003 1	Kỹ thuật Điện - Điện tử Hàng không	3	45			PHY1103
	AER2004 1	Phương pháp số nâng cao cho Công nghệ Hàng không Vũ trụ	3	45			EMA2011
	HIS1002 16	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	42	3		POL1001
<b>QH-2017-I/CQ-CAC</b>	ELT2035 1	Tín hiệu và hệ thống	3	42	3		MAT1095
	INT2207 6	Cơ sở dữ liệu	3	30	15		INT1006
	INT2209 9	Mạng máy tính	3	30	15		INT1006
	INT2208 9	Công nghệ phần mềm	3	45			INT1006
	HIS1002 16	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	42	3		POL1001
	ELT3144 2	Xử lý tín hiệu số	4	45	15		MAT1093
<b>QH-2017-I/CQ-C-B,C,D,E,F,G,H,J,K,L</b>	INT2207 1,2,3,4,5,6,7,8,11	Cơ sở dữ liệu	3	30	15		INT1006
	INT2209 1,2,3,4,5,6,7,8,	Mạng máy tính	3	30	15		INT1006
	INT2208 1,2,3,4,5,6,7,8,	Công nghệ phần mềm	3	45			INT1006
	HIS1002 7,8,9,10,11,12,13,14,15	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	42	3		POL1001
	MAT1042 5,6,7,8,9	Giải tích 2 (dành cho sv chưa học)	4	30	30		MAT1041
		<i>Môn bổ trợ</i>	3				
	BSA2002 3,4,5,6	Nguyên lý Marketing	3	21	23	1	
	INE1050 1,2,3,4,5	Kinh tế vi mô	3	30	10	5	
<b>QH-2017-I/CQ-CLC</b>	INT2207 11	Cơ sở dữ liệu	3	30	15		INT1006
	INT2209 11	Mạng máy tính	3	30	15		INT1006
	INT2208 11	Công nghệ phần mềm	3	45			INT1006
	HIS1002 1	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	42	3		POL1001
	MAT1042 9	Giải tích 2	4	30	30		MAT1041
	FLF2104 1	Tiếng Anh cơ sở 4 (***)	5	20	50	5	FLF2103
		<i>Môn bổ trợ</i>	3				
	INE1050 3	Kinh tế vi mô	3	30	10	5	
<b>QH-2017-I/CQ-DB</b>	HIS1002 7	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	42	3		POL1001
	ELT3144 1	Xử lý tín hiệu số	4	45	15		PHY1103
	INT2203 1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	30	15		INT1006
	ELT2031 1	Mô hình hóa và mô phỏng	2	20	10		INT1006
	ELT2040 1	Điện tử tương tự	3	45			PHY1103
	ELT2041 2	Điện tử số	3	45			PHY1103
	ELT2036 1	Kỹ thuật điện tử	3	45			MAT1093
<b>QH-2017-I/CQ-E</b>	HIS1002 5	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	42	3		POL1001
	EMA2038 1	Nhiệt động lực học kỹ thuật	3	35	10		PHY1103 MAT1042

Tư vấn	Lớp học phần	Tên học phần	TC	LT	ThH	TH	Mã học phần tiên quyết
	EET2003 1	Cơ sở công nghệ năng lượng	3	30	15		EMA2038
	EET2006 1	Truyền nhiệt và truyền khối	3	35	8	2	MAT1042 PHY1103
	EPN2014 1	Vật lý bán dẫn và linh kiện	2	30			EPN2015 EPN2029
	EMA2011 1	Phương pháp tính trong kỹ thuật	3	30	15		INT1006 MAT1093 MAT1042
	EET2000 1	Các nguyên lý cơ bản trong hóa học	3	40		5	
<b>QH-2017-I/CQ-J</b>	HIS1002 17	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	42	3		POL1001
	JAP4024 1,2,3	Tiếng Nhật 2B	4	16	40	4	JAP4021 JAP4022
	INT2208 10	Công nghệ phần mềm	3	45			INT1006
	INT2207 10	Cơ sở dữ liệu	3	30	15		INT1006
	INT2209 10	Mạng máy tính	3	30	15		INT1006
<b>QH-2017-I/CQ-K</b>	INT2209 9	Mạng máy tính	3	30	15		INT1006
	ELT2040 1	Điện tử tương tự	3	45			PHY1103
	ELT2032 1	Linh kiện điện tử	3	45			
	ELT2030 1	Kỹ thuật điện	3	45			
	ELT3144 2	Xử lý tín hiệu số	4	45	15		MAT1093
	ELT2041 2	Điện tử số	3	45			PHY1103
	HIS1002 1	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	42	3		POL1001
<b>QH-2017-I/CQ-M1,2,3,4</b>	HIS1002 2,3,4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	42	3		POL1001
	EMA2037 1,2,3,4	Cơ học kỹ thuật 2	3	30	15		EMA2036
	EMA2013 1,2,3	Lý thuyết điều khiển tự động	3	30	15		MAT1093 MAT1042
	EMA2012 1,2,3	Sức bền vật liệu và cơ học kết cấu	4	45	15		EMA2003
	EMA2032 1,2,3	Hình hoạ kỹ thuật và CAD	2	15	15		MAT1093 MAT1042
	EMA2027 1,2,3	Nhập môn cơ điện tử	3	30	15		EMA2037 EMA2013 ELT2050
	ELT2050 1,2,3	Nguyên lý kỹ thuật điện tử	3	30	15		EMA2026
<b>QH-2017-I/CQ-N</b>	INT2203 1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	30	15		INT1006
	HIS1002 16	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	42	3		POL1001
	INT2209 9	Mạng máy tính	3	30	15		INT1006
	ELT2040 1	Điện tử tương tự	3	45			PHY1103
	ELT3144 2	Xử lý tín hiệu số	4	45	15		MAT1093
<b>QH-2017-I/CQ-T</b>	INT2203 1	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	30	15		INT1006
	INT2209 9	Mạng máy tính	3	30	15		INT1006
	INT2207 10	Cơ sở dữ liệu	3	30	15		INT1006
	INT2208 10	Công nghệ phần mềm	3	45			INT1006
	HIS1002 1	Đường lối cách mạng của Đảng	3	42	3		POL1001

Tư vấn	Lớp học phần	Tên học phần	TC	LT	ThH	TH	Mã học phần tiên quyết
		Cộng sản Việt Nam					
		<i>Môn bổ trợ</i>	3				
	BSA2002 6	Nguyên lý Marketing	3	21	23	1	
<b>QH-2017- I/CQ-V</b>	EPN2050 1	Vật lý phân tử	3	45			PHY1103
	EPN2029 1	Khoa học vật liệu đại cương	3	30	15		
	EPN2015 1	Vật lý lượng tử	3	45			PHY1103 EPN2023
	EPN 2011 1	Vật lý các hiện tượng từ và ứng dụng	3	35	10		PHY1103
	HIS1002 5	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	42	3		POL1001
	EMA2011 1	Phương pháp tính trong kỹ thuật	3	30	15		
	EPN2030 1	Vật lý thống kê	3	36	9		PHY1100 PHY1103
<b>QH-2017- I/CQ-XD</b>	CTE2006 1	Phương pháp PTHH trong kết cấu xây dựng - giao thông	2	20	10		
	CTE2009 1	Thủy lực	2	20	10		
	CTE2008 1	Vẽ kỹ thuật	2	20	10		
	CTE2003 1	Phát triển bền vững trong giao thông và xây dựng	2	25	5		
	CTE2004 1	Cơ học vật rắn biến dạng	3	30	15		
	CTE2015 1	Thiết kế hệ thống	2	25	5		
	HIS1002 1	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	42	3		POL1001
<b>QH-2017- I/CQ-CA- CLC 1,2,3</b>	INT1050 21,22,23	Toán học rời rạc (*)	4	45	15		
	PHI1005 21,22,23	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	36	9		PHI1004
	INT2209 21,22,23	Mạng máy tính (*)	3	30	15		INT1006
	INT2208 21,22,23	Công nghệ phần mềm (*)	3	45			INT1006
	INT2207 21,22,23	Cơ sở dữ liệu (*)	3	30	15		INT1006
	MAT1100 21,22,23	Tối ưu hóa	2	30			MAT1093 MAT1042
<b>QH-2017- I/CQ-Đ-CLC</b>	PHI1005 24	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	36	9		PHI1004
	INT2203 24	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	30	15		
	ELT2030 24	Kỹ thuật điện	3	45			PHY1103
	ELT3144 24	Xử lý tín hiệu số	4	45	15		
	ELT2032 24	Linh kiện điện tử	3	45			PHY1103
	ELT3046 24	Mạng truyền thông máy tính 1	3	30	15		ELT2030
	MNS1052 23	Khoa học quản lý đại cương	2	20	10		
<b>QH-2018- I/CQ-CA- CLC1,2,3</b>	FLF2102	Tiếng Anh cơ sở 2	5	20	50	5	FLF2101
	MAT1093 21,22,23	Đại số	4	45	15		
	MAT1042 21,22,23	Giải tích 2	4	30	30		MAT1094
	INT2202	Lập trình nâng cao (*)	3	30	15		INT1006

Tư vấn	Lớp học phần	Tên học phần	TC	LT	ThH	TH	Mã học phần tiên quyết
	21,22,23						
	PHY1100 21,22,23	Cơ – Nhiệt	3	32	10	3	
<b>QH-2018- I/CQ-Đ-CLC1</b>	MAT1093 24,25	Đại số	4	45	15		
	MAT1042 24,25	Giải tích 2	4	30	30		MAT1094
	INT2202 24,25	Lập trình nâng cao	3	30	15		INT1006
	PHY1100 24,25	Cơ – Nhiệt	3	32	10	3	
	FLF2102	Tiếng Anh cơ sở 2	5	20	50	5	FLF2101
<b>QH-2016- I/CQ- CB,CC,CD</b>	INT2206 1,2	Nguyên lý hệ điều hành	3	45			INT1006
	INT3110 1,2,3	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng	3	45			INT2204
		<i>Các học phần tự chọn</i>	<i>12/24</i>				
	INT3301 1	Thực hành hệ điều hành mạng	3	15	30		INT1006
	INT3310 1	Quản trị mạng	3	30	15		INT2209
	INT3307 1	An toàn và an ninh Mạng	3	45			
	INT3106 1	Phương pháp hình thức	3	30	15		INT1050
	INT3208 1	Xử lý phân tích thông tin trực tuyến	3	45			INT2207
	INT3207 1	Kho dữ liệu	3	45			INT2207
	INT3506 1,2	Các hệ thống thương mại điện tử	3	45			INT2207
	INT3403 1	Đồ họa máy tính	3	30	15		INT2203
	INT3109 1	Thu thập và phân tích yêu cầu	3	45			
	INT3120 1	Phát triển ứng dụng di động	3	30	15		INT1006
	INT3505 1	Kiến trúc hướng dịch vụ	3				INT2204
<b>QH-2016- I/CQ-CAC</b>	INT2206 3	Nguyên lý hệ điều hành	3	45			INT1006
	INT3414 1	Chuyên đề Công nghệ	3	30		15	INT1003
		<i>Nhóm các môn tự chọn 1 và 2</i>	<i>15</i>				
	INT3011 1	Các vấn đề hiện đại trong KHMT	3	21	24		INT1003
	INT3411 1	Xử lý tiếng nói	3	45			INT2203
	INT3110 4	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng	3	45			INT2204
	INT3409 1	Rô-bốt	3	30	15		INT2203
	INT3402 1	Chương trình dịch	3	45			INT2203
<b>QH-2016- I/CQ-C-CLC</b>	INT2206 6	Nguyên lý hệ điều hành (*)	3	45			INT1006
	INT3110 3	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng	3	45			INT2204
		<i>Các môn học tự chọn theo các định hướng</i>	<i>12</i>				
	INT3301 1	Thực hành hệ điều hành mạng	3	15	30		INT1006
	INT3310 1	Quản trị mạng	3	30	15		INT2209
	INT3307 1	An toàn và an ninh Mạng	3	45			
	INT3106 1	Phương pháp hình thức	3	30	15		INT1050
	INT3208 1	Xử lý phân tích thông tin trực tuyến	3	45			INT2207
	INT3207 1	Kho dữ liệu	3	45			INT2207
INT3506 1,2	Các hệ thống thương mại điện tử	3	45			INT2207	

Tư vấn	Lớp học phần	Tên học phần	TC	LT	ThH	TH	Mã học phần tiên quyết
	INT3505 1	Kiến trúc hướng dịch vụ	3				INT2204
	INT3403 1	Đồ họa máy tính	3	30	15		INT2203
	INT3109 1	Thu thập và phân tích yêu cầu	3	45			
	INT3120 1	Phát triển ứng dụng di động	3	30	15		INT1006
QH-2016-I/CQ-Đ-B	ELT3102 1,2,3	Thực tập điện tử tương tự	2		30		ELT2040
	ELT3103 1,2,3	Thực tập điện tử số	2		30		ELT2041
	ELT2037 1	Thực tập thiết kế hệ thống	4	12	48		
		<i>Các học phần tự chọn 1</i>	<i>12</i>				
	ELT3067 1	Truyền thông quang	3	45			PHY1103
	ELT3094 1	Nhập môn xử lý tín hiệu cho hệ thống đa phương tiện	3	45			ELT2035
	ELT3057 1	Truyền thông số và mã hóa	3	45			ELT2035 ELT3043
	ELT3062 1	Mạng truyền thông máy tính 2	3	45			ELT3046 INT2209
	ELT3048 1	Hệ thống vi xử lý	3	30	15		ELT2030
	ELT3049 1	Hệ thống điều khiển số	3	45			ELT3051
	QH-2016-I/CQ-E	EET2009 1	Hệ thống năng lượng	3	30	12	3
EET2010 1		Kỹ thuật lạnh và điều hòa không khí	3	30	15		EMA2038
EET2007 1		Thực hành kỹ thuật năng lượng	3	5	35	5	EET2003 EET2005
EET2005 1		Vật liệu tiên tiến và composite	2	24	6		PHY1100
EPN2004 1		Mô hình hóa và mô phỏng trong vật lý	3	22	23		INT1006
EMA2032 4		Hình họa kỹ thuật và CAD	2	15	15		MAT1093 MAT1042
MAT1100 3		Tối ưu hóa	2	30			MAT1093 MAT1041
QH-2016-I/CQ-H	EMA2039 1	Thủy khí động lực ứng dụng	3	30	15		MAT1093 MAT1042 EMA2008
	EMA2033 1	Cơ sở thiết kế máy	4	40	20		PHY1103
	EMA2005 1	Kỹ thuật điện và điện tử	3	35	10		PHY1100 PHY1103
	EMA2015 1	Phương pháp thực nghiệm trong cơ học	3	30	15		EMA2004 EMA2006 EMA2013
	EMA2038 2	Nhiệt động lực học kỹ thuật	3	35	10		PHY1103
	EMA2040 1	Máy CNC và CAD/CAM	2	18	12		EMA2013 EMA3099
		<i>Môn bổ trợ</i>	<i>3</i>				
	BSA2002 1	Nguyên lý Marketing	3	21	23	1	
QH-2016-I/CQ-M	INT2013 1	Kiến trúc máy tính và mạng truyền thông công nghiệp	3	30	15		EMA2023
	EMA2024 1	Kỹ thuật đo lường và cảm biến	3	30	15		EMA2021
	EMA2033 2	Cơ sở thiết kế máy	4	40	20		PHY1103
	EMA2022 1	Cơ sở công nghệ chế tạo máy	3	30	15		EMA2012 EMA2019



Tư vấn	Lớp học phần	Tên học phần	TC	LT	ThH	TH	Mã học phần tiên quyết
							EMA2032 EMA2033 EMA2026
	EMA2023 1	Kỹ thuật số	2	20	10		
<b>QH-2016-I/CQ-N</b>	INT2206 1,5	Nguyên lý hệ điều hành	3	45			INT1006
	INT3313 1,2	Các vấn đề hiện đại của Truyền thông và Mạng máy tính	3	21	15	9	INT1003
	ELT2041 1	Điện tử số	3	45			PHY1103
		<i>Nhóm các học phần tự chọn 1 &amp; 2</i>	9				
	INT3317 1	Thực hành an ninh mạng	3	15	30		
	INT3309 1	Phân tích và thiết kế mạng máy tính	3	24	6	15	INT2209
	INT3301 2	Thực hành hệ điều hành mạng	3	30	15		
	ELT3080 1	Truyền thông di động	3	42	3		ELT3056
	INT3310 1	Quản trị mạng	3	30	15		
<b>QH-2016-I/CQ-T</b>	INT2206 3,4	Nguyên lý hệ điều hành	3	45			INT1006
	INT3201 1	Cơ sở các HTTT	4	45	15		INT2207
	INT3213 1	Nhập môn an toàn thông tin	3	45			INT2207
	INT2038 1	Quản lý dự án HTTT	3	45			
	INT3207 2	Kho dữ liệu	3	45			INT2207
		<i>Các học phần tự chọn</i>	3				
	INT3214 1	Hệ thống đảm bảo an toàn thông tin	3	45			
	INT3210 1	Khai phá dữ liệu hướng lĩnh vực	3	45			
<b>QH-2016-I/CQ-V</b>	EPN2026 1	Thông tin quang	3	30	15		EPN2014
	EPN2005 1	Quang điện tử	2	30			EPN2014
	EPN2001 1	Các phương pháp phân tích vật liệu	3	45			EPN2029
	EPN2006 1	Thực hành công nghệ	3		45		EPN20025 EPN2002
	EPN2024 1	Cơ sở vật lý của một số thiết bị y tế	3	45			EPN2029
	EPN2051 1	Seminar và thảo luận nhóm về công nghệ nano và ứng dụng	2	24	6		
	EPN2030 1	Vật lý thống kê	3	36	9		PHY1100 PHY1103
<b>QH-2016-I/CQ-CA-CLC1,2</b>	HIS1002 21,22	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	42	3		POL1001
	INT3414 21,22	Chuyên đề Công nghệ	3	30	15		INT1003
	INT2206 21,22	Nguyên lý hệ điều hành	3	45			INT1006
	INT3401 21,22	Trí tuệ nhân tạo	3	45			INT2203
		<i>9 tín chỉ thuộc khối các học phần tự chọn</i>	9				
	INT3411 21	Xử lý tiếng nói	3	45			
	INT3409 21	Rô-bốt	3	30	15		
	INT3402 21	Chương trình dịch	3	45			
	INT3110 21	Phân tích và thiết kế hướng đối tượng	3	45			INT2204
	INT3117 21	Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm	3	45			INT2204

Tư vấn	Lớp học phần	Tên học phần	TC	LT	ThH	TH	Mã học phần tiên quyết
	INT3105 21	Kiến trúc phần mềm	3	45			INT2204
	INT3307 21	An toàn và an ninh mạng	3	39	6		INT2209
	INT3306 21	Phát triển ứng dụng web	3	30	15		INT2204 INT2207
	INT3217 21	Lập trình hệ thống	3	36	9		INT2202
<b>QH-2016- I/CQ-Đ-CLC</b>	POL1001 23	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10		PHI1005
	ELT3051 23	Kỹ thuật điều khiển (*)	3	45			ELT2030
	ELT3102 23	Thực tập điện tử tương tự	2		30		
	ELT3103 24	Thực tập điện tử số	2		30		
		<i>Khối kiến thức ngành theo định hướng bắt buộc</i>	12/15				
		<i>Chuyên ngành truyền thông</i>	12/15				
	ELT3067 23	Truyền thông quang	3	45			PHY1103
	ELT3056 23	Truyền thông vô tuyến	3	45			ELT2035 ELT3043
	ELT3062 23	Mạng truyền thông máy tính 2	3	45			ELT2030
	ELT3098 23	Truyền thông vệ tinh	3	45			
	ELT3057 23	Truyền thông số mã hóa	3	45			ELT2035 ELT3043
		<i>Chuyên ngành mạng</i>	12/15				
	ELT3163 23	Mạng truyền thông di động	3	45			
	ELT3056 24	Truyền thông vô tuyến	3	45			ELT2035 ELT3043
	ELT3062 24	Mạng truyền thông máy tính 2	3	45			ELT2030
	ELT3168 23	Quản trị mạng viễn thông	3	45			ELT3046
	ELT3057 24	Truyền thông số mã hóa	3	45			ELT2035 ELT3043
		<i>Chuyên ngành kỹ thuật máy tính</i>	12/15				
	ELT3097 23	Lập trình cho thiết bị di động	3	30	15		INT1006
	ELT3048 23	Hệ thống vi xử lý	3	30	15		ELT2030
	ELT3069 23	Thiết kế hệ thống máy tính nhúng	3	30	15		ELT2041 ELT3047
	ELT3104 23	Lập trình và ghép nối máy tính	3	30	15		INT1006
	ELT3077 23	Hệ thống robot thông minh	3	45			ELT3051
		<i>Chuyên ngành Điều khiển và tự động hóa</i>	12/15				
	ELT3071 23	Hệ thống nhúng thời gian thực	3	45			ELT2041 ELT3047
	ELT3049 23	Hệ thống điều khiển số	3	45			ELT2030
	ELT3097 23	Lập trình cho thiết bị di động	3	30	15		INT1006
	ELT3048 23	Hệ thống vi xử lý	3	30	15		ELT2030
ELT3077 23	Hệ thống robot thông minh	3	45			ELT3051	
<b>QH-2015-I/CQ-C</b>		<i>Khóa luận tốt nghiệp/Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>	7				
	INT4050	Khóa luận tốt nghiệp	7				
		<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>	7				
	INT3509	Dự án (bắt buộc)	4				
	<i>3 tín chỉ từ danh sách các học</i>	3					

Tư vấn	Lớp học phần	Tên học phần	TC	LT	ThH	TH	Mã học phần tiên quyết
		<i>phần tự chọn theo các định hướng mà sinh viên chưa học</i>					
	INT3506 1,2	Các hệ thống thương mại điện tử (tự chọn)	3	45			INT2207
	INT3505 1	Kiến trúc hướng dịch vụ (tự chọn)	3				INT2204
<b>QH-2015-I/CQ-CA,CLC</b>	INT4050	Khóa luận tốt nghiệp	10				
<b>QH-2015-I/CQ-CAC</b>		<i>Khóa luận tốt nghiệp/Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>	7				
	INT4050	Khóa luận tốt nghiệp	7				
		<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>	7				
	INT3509	Dự án (bắt buộc )	4				
		3 tín chỉ từ danh sách các học phần thuộc khối V.2 hoặc V.3 sinh viên chưa học (học phần cụ thể thông báo trong TKB)	3				
<b>QH-2015-I/CQ-T</b>	INT3211 1	Tích hợp hệ thống	3	45			
		<i>Khóa luận tốt nghiệp/Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>	7				
	INT4054	Khóa luận tốt nghiệp	7				
		<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>	7				
		Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương	7				
	INT3509	Dự án (bắt buộc )	4				
		<i>3 tín chỉ từ danh sách các học phần tự chọn theo các định hướng mà sinh viên chưa học (học phần cụ thể thông báo trong TKB)</i>	3				
<b>QH-2015-I/CQ-N</b>		<i>Nhóm các học phần tự chọn</i>	15				
	INT3317 1	Thực hành an ninh mạng	3	15	30		
	INT3309 1	Phân tích và thiết kế mạng máy tính	3	24	6	15	INT2209
	INT3301 2	Thực hành hệ điều hành mạng	3	30	15		
	ELT3080 1	Truyền thông di động	3	42	3		ELT3056
	INT3310 1	Quản trị mạng	3	30	15		
<b>QH-2015-I/CQ-ĐA</b>	ELT2037	Thực tập thiết kế hệ thống	4	12	48		
	ELT3086	Thực tập chuyên đề	3		45		
	ELT4053	Khóa luận tốt nghiệp	10				
<b>QH-2015-I/CQ-ĐB</b>		<i>Khóa luận tốt nghiệp/Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>	7				
	ELT4054	Khóa luận tốt nghiệp	7				
		<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>	7				

Tư vấn	Lớp học phần	Tên học phần	TC	LT	ThH	TH	Mã học phần tiên quyết
	ELT3095 1	Xử lý tín hiệu và tạo ảnh y-sinh	3	45			
	ELT3098 1	Truyền thông vệ tinh	3	45			
	ELT3189 1	Kỹ thuật anten	3	45			
<b>QH-2015- I/CQ-H</b>		<i>Khối kiến thức định hướng chuyên sâu</i>	12				
		<i>Chuyên ngành Thủy khí công nghiệp và môi trường</i>					
		<i>Các học phần tự chọn</i>	4				
	EMA3022 1	Dòng chảy hai pha	2	24	6	0	EMA2004 EMA2008 EMA2038
	EMA3023 1	Dòng chảy trong môi trường rỗng	2	24	6	0	EMA2041 EMA2004 EMA2008
		<i>Các môn học thực tập</i>	8				
	EMA3049 1	Thực tập kỹ thuật định hướng Thủy khí công nghiệp và môi trường	5	15	60	0	EMA3091
	EMA3053 1	Thực tập tốt nghiệp định hướng Thủy khí công nghiệp và môi trường	3	0	45	0	EMA3049
		<i>Chuyên ngành Cơ học Kỹ thuật biển</i>	12				
		<i>Các học phần tự chọn</i>	4				
	EMA3063 1	Điều khiển kết cấu	2	26	4	0	EMA2037 EMA2012
	EMA3015 1	Cơ học vật liệu composite	2	24	6	0	EMA2041 EMA2037 EMA2004 EMA2007
		<i>Các môn học thực tập</i>	8				
	EMA3050 1	Thực tập kỹ thuật định hướng Cơ học kỹ thuật biển	5	15	60	0	EMA3094 EMA3105 EMA3096 EMA3097 EMA3107
	EMA3054 1	Thực tập tốt nghiệp định hướng Cơ học kỹ thuật biển	3	30	15	0	EMA3050
		<i>Chuyên ngành Vật liệu và kết cấu tiên tiến</i>	13				
	EMA3117 1	Cơ học vật liệu Composite	3	30	15	0	EMA2004 EMA2041 EMA2007
	EMA3123 1	Ổn định động lực học của kết cấu	2	25	5	0	
		<i>Các môn học thực tập</i>	8				
	EMA3126 1	Thực tập kỹ thuật định hướng Vật liệu và kết cấu tiên tiến	5	15	60	0	
EMA3127 1	Thực tập tốt nghiệp định hướng	3	0	45	0		

Tư vấn	Lớp học phần	Tên học phần	TC	LT	ThH	TH	Mã học phần tiên quyết
		Vật liệu và kết cấu tiên tiến					
		<i>Chuyên ngành Công nghệ vũ trụ</i>	12				
		<i>Các học phần tự chọn</i>	4				
	EMA3048 1	Thử nghiệm kết cấu thiết bị không gian	2	25	5		
	EMA3057 1	Truyền thông vệ tinh	2	22	8		
		<i>Các môn học thực tập</i>	8				
	EMA3052 1	Thực tập kỹ thuật định hướng Công nghệ vũ trụ	5	15	60	0	
	EMA3056 1	Thực tập tốt nghiệp định hướng Công nghệ vũ trụ	3		45	0	
		<i>Các học phần thực tập</i>	7				
QH-2015-I/CQ-M	EMA4002 1	Thực tập xưởng	2		30		
	EMA4001 1	Thực tập kỹ thuật	5		75		
		<i>Khóa luận tốt nghiệp/Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>	7				
	EMA4051 1	Khóa luận tốt nghiệp	7				
		<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>	7				
	EMA3083 1	Hệ thống cơ điện tử	3	25	20		
	EMA3064 1	Điều khiển điện thủy khí	2	24	6		
	INT3017 1	Lập trình C	2	20	10		
QH-2015-I/CQ-V		<i>Khóa luận tốt nghiệp/Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>	7				
	EPN4051	Khóa luận tốt nghiệp	7				
		<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>	7				
	EPN3042 1	Niên luận (bắt buộc)	3	45			
	EPN3055 1	Công nghệ chế tạo pin mặt trời	2	30			
	EPN3040 1	Polyme dẫn	2	26	4		

# HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ HỌC TRỰC TUYẾN

Sử dụng tốt nhất trên trình duyệt Internet Explorer 6.0 trở lên

## 1. Truy cập

- Vào địa chỉ: <http://daotao.vnu.edu.vn/>
- Màn hình đăng nhập xuất hiện

The screenshot shows the VNU (Vietnam National University, Hanoi) online learning portal. At the top, there is the VNU logo and the text "CÔNG THÔNG TIN ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC". Below this, there is a yellow box containing a list of courses with their respective start and end times. To the right of this box is a login form titled "ĐĂNG NHẬP" (Login) with fields for "Tên truy cập" (Username) and "Mật khẩu" (Password), a dropdown menu for "Đăng nhập để" (Login as), and a "Đăng nhập" (Login) button. Below the login form, there is a "Quên mật khẩu?" (Forgot password?) link. At the bottom of the page, there is a footer with the text "Số người đăng nhập: 207" and "Công thông tin đào tạo VNU là tài sản của Trung tâm Ứng dụng CNTT".

- Sinh viên đăng nhập vào **Công thông tin đào tạo đại học** bằng cách nhập tên người dùng và mật khẩu vào khung “đăng nhập”, sau đó nhấn nút “Enter” (hoặc click vào nút “**Đăng nhập**”)

### Lưu ý: đối với sinh viên đăng nhập lần đầu

- Tên truy cập* là: Mã số sinh viên
- Mật khẩu đăng nhập* là: Mã số sinh viên

### Ví dụ:

- Khi sinh viên có MSSV là **09020413**, thì đăng nhập với tài khoản như sau:

*Tên truy cập:* **09020413**

*Mật khẩu đăng nhập:* **09020413**

Nếu sinh viên nhập chính xác tên người dùng và mật khẩu thì màn hình hệ thống sẽ xuất hiện như sau:

**Hướng dẫn**

- » Cập nhật hồ sơ sinh viên
- » Kết quả đăng ký học
- » Đăng ký môn học
- » Kết quả học tập
- » Lịch thi
- » Đề cương môn học
- » Danh sách biểu mẫu
- » Gửi yêu cầu trợ giúp
- » Tài khoản truy cập Email

**HƯỚNG DẪN THÔNG BÁO**

- [Video: Bài giảng môn Tin học cơ sở](#) | [Câu hỏi ôn tập](#)
- [Kỹ năng học tập hiệu quả ở bậc đại học](#)
- [Video: Hướng dẫn đăng ký học bổng](#)
- [Đổi/reset mật khẩu học bổng Yamada 2018](#)

**Cổng đăng ký học**



- <http://idao@vnu.edu.vn>

**Cổng thông tin dành cho sinh viên đã tốt nghiệp**

- <http://vntohocnoe.daotao.vnu.edu.vn>

## 2. Đổi mật khẩu

Nếu muốn đổi mật khẩu, click vào mục “**Đổi mật khẩu**”:

 Lưu
 Bỏ qua

**Thông tin cá nhân**

Họ và tên:

Mật khẩu cũ:

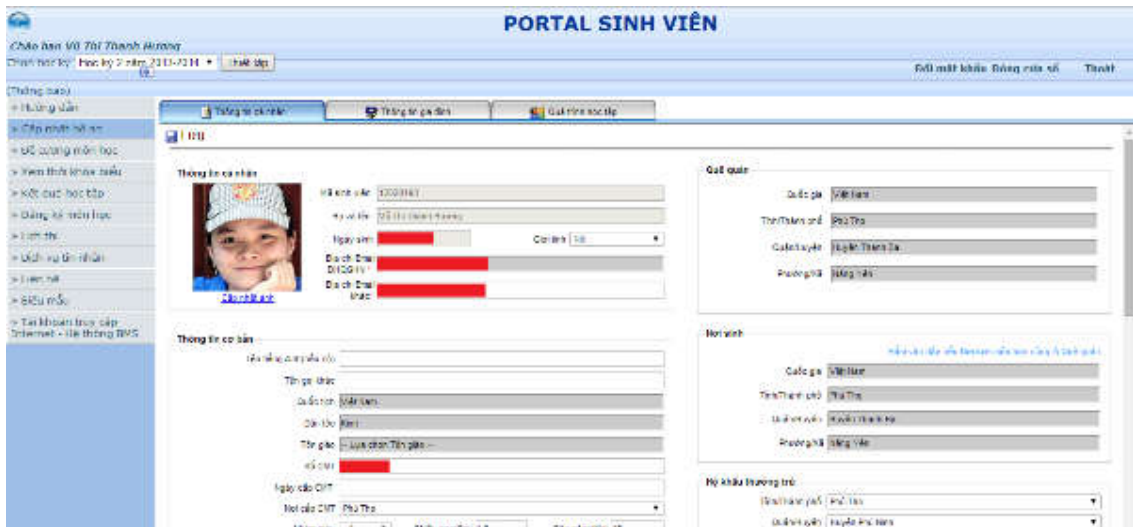
Mật khẩu mới:

Xác nhận lại:

- a. Nhập mật khẩu cũ vào ô “**Mật khẩu cũ**”
- b. Nhập mật khẩu mới vào ô “**Mật khẩu mới**” (tối thiểu 6 ký tự).
- c. Nhập lại mật khẩu mới một lần nữa vào ô “**Xác nhận lại**”.
- d. Nhấn chuột vào “**Lưu**” nếu muốn đổi mật khẩu, ngược lại nhấn chuột vào nút “**Bỏ qua**”
- e. Nếu mật khẩu hợp lệ hệ thống sẽ thông báo “**Đã đổi mật khẩu xong**”  
**Lưu ý:** Sinh viên sau khi đã đổi mật khẩu phải tự bảo mật và chịu trách nhiệm về mật khẩu của mình.

## 3. Kiểm tra thông tin cá nhân

- a. Nhấn chuột vào mục “**Cập nhật hồ sơ**”
- b. Màn hình thông tin sinh viên xuất hiện



- c. Kiểm tra thông tin cá nhân
- d. Nếu có sai sót sinh viên phải gửi ngay đơn yêu cầu bổ sung, sửa chữa về phòng Đào tạo của Trường.

#### 4. Đăng ký học phần

- a. **Bước 1:** Sinh viên truy cập địa chỉ <http://www.dangkyhoc.vnu.edu.vn> “**Đăng ký môn học**”. Sau đó nhấn nút “**Bắt đầu đăng ký**”->”**Bắt đầu**”, trang web đăng ký học phần hiển thị như hình dưới đây

**Lưu ý: đối với sinh viên đăng nhập lần đầu**

Tên truy cập là: Mã số sinh viên

Mật khẩu đăng nhập là: Mã số sinh viên



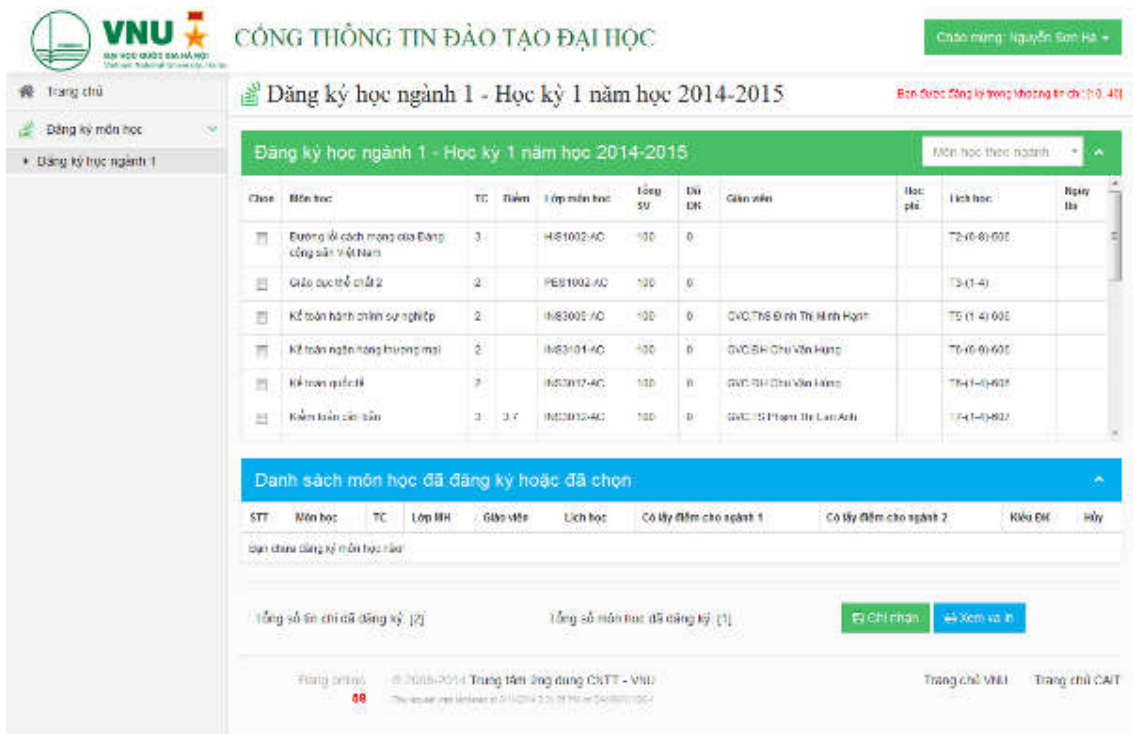
Sinh viên đăng nhập vào **CỔNG thông tin đào tạo đại học** bằng cách nhập tên người dùng và mật khẩu vào khung “**đăng nhập**”, sau đó nhấn nút “**Enter**” (hoặc click vào nút “**Đăng nhập**”)

Sau khi đăng nhập thành công, màn hình hiển thị như dưới đây





Sau khi chọn mục **Đăng ký học phần** ở menu bên trái, màn hình hiển thị như dưới đây:



**Giải thích về các danh sách học phần trong thời khóa biểu:**

- *Danh sách học phần đã đăng ký:* là danh sách những học phần sinh viên đã đăng ký thành công và sẽ học tập của học kỳ hiện tại (danh sách này sẽ trống nếu sinh viên chưa ĐKMH), trong danh sách này sinh viên có thể huỷ học phần đã đăng ký hoặc in kết quả đã đăng ký. Danh sách này nằm ở phía dưới của trang đăng ký học phần.
- *Danh sách học phần theo ngành 1:* Là danh sách những học phần được mở cho ngành học thứ nhất của sinh viên. Sinh viên nên đăng ký học phần trong danh sách này.
- *Danh sách học phần theo ngành 2:* Là danh sách những học phần được mở cho ngành học thứ 2 của sinh viên (nếu có).
- *Danh sách học phần của toàn trường:* là danh sách những học phần được mở của tất cả các ngành đào tạo ở Trường.

### Chọn danh sách học phần để đăng ký:

Sinh viên lựa chọn danh sách học phần theo ngành (*Học phần theo ngành 1, Học phần theo ngành*) ở menu bên trái, hoặc lựa chọn *Học phần của toàn trường* ở list box bên phải  để lựa chọn học phần dự kiến đăng ký học.

- b. **Bước 2:** Sau khi lựa chọn danh sách học phần, sinh viên căn cứ vào kết quả học tập của học kỳ trước đó, tiến trình đào tạo, số tín chỉ tối thiểu và tối đa được đăng ký, tài chính và thời gian của cá nhân, sự tư vấn của Trợ lý đào tạo để đăng ký học phần cho phù hợp.

Chức	Môn học	TC	Điểm	Lớp môn học	Tổng SV	EB/BH	Giáo viên	Học phí	Lịch học	Ngày thi
	Buồng (kể cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam)	3		HS1002-40	100	1			T2-6-8:00	
	Giáo dục thể chất 2	2		FE81002-40	100	1			T3-7-4	
	Kế toán thành viên xã/nhà máy	2		HS3003-40	100	0	ĐVC:ThS Đinh Thị Minh Hoàn		T5-9-6:00	
	Kế toán ngân hàng thương mại	2		HS3101-40	100	0	ĐVC:TS Chu Văn Hùng		T5-9-6:00	
	Kế toán quản trị	2		HS3017-40	100	0	ĐVC:TS Chu Văn Hùng		T4-7-6:00	
	Kiểm toán dân số	3	3,7	HS3012-40	100	0	ĐVC:TS Phạm Thị Lan Anh		T7-11-6:00	

STT	Môn học	TC	Lớp BH	Giáo viên	Lịch học	Có ký điểm cho ngành 1	Có ký điểm cho ngành 2	Điểm BK	Hủy
1	Buồng (kể cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam)	3	HS1002-40		T2-6-8:00	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Đã ký/Đã hủy	<input type="checkbox"/>
2	Giáo dục thể chất 2	2	HS81002-40		T3-7-4	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Đã ký/Đã hủy	<input type="checkbox"/>

- Nếu bạn muốn chọn môn nào trong danh sách thì nhấn vào ô lựa chọn.
  - Học phần bạn chọn sẽ được đưa vào danh sách các môn để đăng ký ở phía dưới.
- c. **Bước 3:** Xác nhận việc đăng ký của bạn bằng cách nhấn chuột vào nút **“Ghi nhận”**. Bạn phải ghi nhận để lưu lại những môn bạn đã lựa chọn. Nếu bạn không nhấn nút **“Ghi nhận”** thì sự đăng ký học của bạn vẫn chưa hoàn thành.

Trang chủ

Đăng ký môn học

Đăng ký học ngành 1

**Đăng ký học ngành 1 - Học kỳ 1 năm học 2014-2015**

Bạn được đăng ký tổng khoảng 81 chi (0.42)

**Đăng ký học ngành 1 - Học kỳ 1 năm học 2014-2015**

Môn học theo ngành

Chức	Môn học	TC	Điểm	Lớp môn học	Tổng số	Đã OK	Ghi chú	Học phí	Lịch học	Ngày thi
	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3		HIS1002-AC	100	1			T2 (0-8) 600	
	Giáo dục thể chất 2	2		PES1002-AC	100	1			T3 (1-4)	
	Kế toán hành chính sự nghiệp	2		HIS3003-AC	100	0	ĐVC.TIS Đinh Thị Minh Hạnh		T5 (1-4) 600	
	Kế toán ngân hàng thương mại	2		HIS3101-AC	100	0	ĐVC.BH Châu Văn Hồng		T6 (0-9) 600	
	Kế toán quốc tế	2		HIS3017-AC	100	0	ĐVC.BH Châu Văn Hồng		T6 (1-6) 600	
	Kiểm toán căn bản	3	3.7	HIS1013-AC	100	0	ĐVC.TS Phạm Thị Lan Anh		T7 (1-1) 600	

**Danh sách môn học đã đăng ký hoặc đã chọn**

STT	Môn học	TC	Lớp BH	Ghi chú	Lịch học	Có lý do làm cho ngành 1	Có lý do làm cho ngành 2	Kiểu OK	Ngày
1	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	HIS1002-AC		T2 (0-8) 600			Đã đăng ký	Đã đăng ký
2	Giáo dục thể chất 2	2	PES1002-AC		T3 (1-4)			Đã đăng ký	Đã đăng ký

Tổng số môn chi đã đăng ký: [5]

Tổng số môn học đã đăng ký: [2]

Ghi nhận

Xem và in

Đăng online

© 2008-2014 Trung tâm ứng dụng CNTT - VNU

Trang chủ VNU

Trang chủ CAT

d. **Bước 4:** *Hủy môn đã đăng ký (nếu cần thiết) và In phiếu đăng ký học phần.*

- Hủy một số môn học đã đăng ký, hãy nhấn vào dấu **X**. Xuất hiện màn hình thông báo bạn có chắc chắn muốn hủy học phần đã đăng ký không? Nếu đồng ý nhấn chuột vào nút **“OK”**, ngược lại nhấn vào nút **“Cancel”**.
- Nhấn chuột vào nút **“Xem và in”** khi việc đăng ký đã hoàn thành và chọn máy in để in và ấn nút Print.

🔍 Tìm kiếm
📄 Xuất kết quả ra Word

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ MÔN HỌC - HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2014-2015**  
Ngày 13 tháng 8 năm 2014

Họ và tên: Nguyễn Sơn Hà  
Chương trình đào tạo: Chương trình Kế toán, phân tích và kiểm toán (Tổng Ng)

Ngày sinh: 11/02/1998  
Địa chỉ: QH-2011-Q

Mã sinh viên: 13073102

STT	Môn học	Môn học	Số tín chỉ	Trạng thái	Học phí	Lớp môn học	Thứ	Điểm	Giảng đường
1	HIS1002-AC	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	Đã đăng ký	0	HIS1002-AC	T2	0-8	506
2	PES1002-AC	Giáo dục thể chất 2	2	Đã đăng ký	0	PES1002-AC	T3	1-4	
Tổng			5		00				

Tổng số học phí đã làm tròn: 00 (đồng)

**SINH VIÊN**  
(Ký và ghi rõ họ tên):

Nguyễn Sơn Hà

Hà Nội, ngày tháng năm 2014

**XÁC NHẬN CỦA PHÒNG ĐÀO TẠO**

🔍 Tìm kiếm
📄 Xuất kết quả ra Word

## 5. Kết thúc chương trình

Để kết thúc chương trình, nhấn chuột vào nút **“Thoát”**

Việc thoát khỏi chương trình cần được thực hiện đúng quy trình. Tuyệt đối không tắt màn hình hay tắt máy như tắt một thiết bị tiêu thụ điện thông thường.

Phải nhấn vào nút **“Thoát”** cho đến khi hệ thống thông báo là bạn đã thoát ra thành công.

## ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC MIỄN HỌC VÀ HỌC VƯỢT MÔN TIẾNG ANH

Sinh viên được miễn học các học phần ngoại ngữ nếu thuộc một trong các đối tượng sau:

a) Đã tham gia kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ do Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức và đạt kết quả tương ứng với yêu cầu về chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ quy định tại Khoản 3 Điều 12 Quy chế Đào tạo Đại học ở Đại học Quốc Gia Hà Nội năm 2015.

b) Có các chứng chỉ quốc tế đạt kết quả tương ứng với yêu cầu về chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ theo quy định

### BẢNG THAM CHIẾU KẾT QUẢ CÁC BÀI THI TIẾNG ANH VỚI CÁC CHUẨN CẦN ĐẠT CỦA ĐHQGHN

Trình độ (theo Khung NLNNVN)	TOEFL ITB (310-677)	TOEFL iBT (0-120)	TOEIC (0-990)	Cambridge Tests (0-100)	IELTS (0 – 9.0)
Bậc 3	450	45	450	70-89 PET 45-59 FCE	4.5-5.0
Bậc 4	500	61	600	90-100 PET 60-79 FCE	5.5-6.0
Bậc 5	550	80	780	80-100 FCE 60-79 CAE	6.5-8.0
Bậc 6	625	107	900	80-100 CAE 45-59 CPE	8.5-9.0

*(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)*

#### **Ghi chú:**

- **TOEFL ITB, TOEFL iBT, TOEIC:** các bài thi tiếng Anh của Viện Khảo thí giáo dục Hoa Kỳ.

- **Cambridge Tests:** Các bài thi tiếng anh của Hội đồng Khảo thí tiếng Anh Cambridge English Language Assessment, Đại học Cambridge, Vương quốc Anh.

- **IELTS:** Bài thi tiếng Anh của Hội đồng Anh và Trung tâm giáo dục quốc tế Úc (IDP).

## MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý TRONG QUY CHẾ ĐÀO TẠO

### 1. Thi kết thúc học phần

Sinh viên được dự thi kết thúc học phần nếu có điểm đánh giá bộ phận lớn hơn 0, trả học phí đầy đủ và đáp ứng các điều kiện kết thúc học phần do Thủ trưởng đơn vị phụ trách học phần quy định.

Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức một kỳ thi chính. Đối với mỗi học phần, sinh viên chỉ được dự thi một lần trong cùng một kỳ thi.

Kỳ thi phụ chỉ dành cho những sinh viên chưa dự kỳ thi chính vì lý do chính đáng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận và được Nhà trường cho phép.

Sinh viên vắng mặt trong buổi thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như bỏ thi và phải nhận điểm 0 (không); nếu có lý do chính đáng trong buổi thi kết thúc học phần được thi bổ sung vào kỳ thi phụ.

### 2. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), có lẻ đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng của điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần sau khi đã tính trọng số và được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

- Loại đạt:

9,0 – 10 tương ứng với A+	8,5 – 8,9 tương ứng với A
8,0 – 8,4 tương ứng với B+	7,0 – 7,9 tương ứng với B
6,5 – 6,9 tương ứng với C+	5,5 – 6,4 tương ứng với C
5,0 – 5,4 tương ứng với D+	4,0 – 4,9 tương ứng với D

- Loại không đạt: Dưới 4,0 tương ứng với F
- Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các ký hiệu sau:

I - Chưa đủ điểm đánh giá bộ phận

X - Chưa nhận được kết quả thi kết thúc học phần

### 3. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy

- Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó (bao gồm cả các môn được đánh giá loại đạt và không đạt).

- b. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá loại đạt mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xem xét.

Sinh viên sẽ được xếp hạng học lực bình thường nếu có điểm trung bình chung tích lũy đạt mức từ 2,00 trở lên. Nếu điểm này dưới 2,00 sinh viên sẽ bị xếp hạng học lực yếu. Trong trường hợp bị xếp hạng học lực yếu sinh viên cần lưu ý lựa chọn thật cẩn thận các học phần sẽ học ở học kỳ tiếp (rút bớt số học phần, chọn học phần dễ, ...) để tránh nguy cơ rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

#### 4. Cách tính điểm chung bình chung

- a. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

A+ tương ứng với 4,0;	A tương ứng với 3,7
B+ tương ứng với 3,5;	B tương ứng với 3,0
C+ tương ứng với 2,5;	C tương ứng với 2,0
D+ tương ứng với 1,5;	D tương ứng với 1,0
F tương ứng với 0;	

- b. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

trong đó:

**A:** là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

**i:** là số thứ tự học phần

**a<sub>i</sub>:** là điểm của học phần thứ i

**n<sub>i</sub>:** là số tín chỉ của học phần thứ i

**n:** là tổng số học phần trong học kỳ hoặc tổng số học phần đã tích lũy.

Kết quả đánh giá học phần giáo dục quốc phòng-an ninh, giáo dục thể chất, kỹ năng mềm không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

Điểm trung bình chung học kỳ được dùng để xét buộc thôi học, nghỉ học tạm thời, đăng ký học bằng kép, học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ.

Điểm trung bình chung tích lũy được dùng để xét buộc thôi học, xếp loại học lực, xếp hạng tốt nghiệp.

## 5. Xử lý học vụ

Sau mỗi học kỳ chính, Nhà trường thực hiện xử lý học vụ.

### a. Cảnh báo kết quả học tập

a) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khóa;

b) Số lần cảnh báo kết quả học tập của sinh viên không được phép vượt quá 2 lần liên tiếp.

*Khi sinh viên rơi vào diện cảnh báo học vụ cần tranh thủ tối đa tư vấn của cố vấn học tập, của Khoa và Phòng Đào tạo trong việc lựa chọn đăng ký học phần theo 2 hướng:*

- Rút bớt tối đa số học phần đăng ký.
- Đăng ký học lại hoặc học cải thiện (đặc biệt ở kỳ học phụ) để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.

### b. Thôi học

Sinh viên được thôi học nếu có đơn xin thôi học và được Nhà trường ra quyết định đồng ý.

#### **Phải hết sức cảnh giác để tránh bị buộc thôi học**

Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá 2 lần liên tiếp.
- b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học quy định tại khoản 1, điều 16 của Quy chế Đào tạo ĐH ở ĐHQGHN năm 2015;
- c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại mục d, khoản 4, Điều 32 của Quy chế Đào tạo ĐH ở ĐHQGHN năm 2015, hoặc bị kỷ luật ở mức xóa tên khỏi danh sách sinh viên của trường.



Chậm nhất 1 tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, đơn vị đào tạo phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

d) Sau khi hết hạn nghỉ học tạm thời sinh viên không có đơn xin học trở lại theo quy định khoản 3, Điều 33 của Quy chế Đào tạo ĐH ở ĐHQGHN năm 2015.

## **6. Điều kiện tốt nghiệp**

a. Định kỳ mỗi năm 4 lần (tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12), Nhà trường tổ chức xét tốt nghiệp cho sinh viên đã hoàn thành chương trình đào tạo và có đủ các điều kiện sau:

- Trong thời gian học tập tối đa của khóa học;
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2,00 trở lên. Riêng đối với chương trình đào tạo chất lượng cao, đạt chuẩn quốc tế, điểm trung bình chung tích lũy của khóa học phải đạt từ 2,50 trở lên;
- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ (bậc 3 đối với các chương trình đào tạo chuẩn, bằng kép; bậc 4 đối với chương trình đào tạo chất lượng cao; bậc 5 đối với các chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế);
- Được đánh giá đạt các học phần giáo dục quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất và kỹ năng bổ trợ.

b. Sinh viên không đủ điều kiện tốt nghiệp chương trình đào tạo chất lượng cao, chuẩn quốc tế, được xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cử nhân chương trình đào tạo chuẩn tương ứng theo hình thức đào tạo chính quy.

c. Sinh viên không đủ điều kiện tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận điểm các học phần trong chương trình đào tạo đã tích lũy.

*Ghi chú:* Trong trường hợp sinh viên đã đủ điều kiện tốt nghiệp nhưng muốn được tiếp tục học để cải thiện điểm thì phải làm "Đơn xin lùi thời hạn tốt nghiệp" (Mẫu 2) nộp cho Bộ phận tiếp người học để Nhà trường xem xét giải quyết.

## **7. Chuyển đổi sinh viên giữa các chương trình đào tạo**

a. Chuyển sinh viên học chương trình đào tạo chuẩn quốc tế, chất lượng cao sang học chương trình đào tạo chuẩn chính quy của ngành học tương ứng.

- Sinh viên học chương trình đào tạo chuẩn quốc tế, chất lượng cao chưa bị buộc thôi học phải chuyển sang học chương trình đào tạo chuẩn chính quy của ngành học tương ứng nếu vi phạm một trong các trường hợp sau:
    - Có một học phần nâng cao, bổ sung đạt điểm F;
    - Có điểm trung bình chung học kỳ tính đến thời điểm xét đạt dưới 2,50;
    - Bị kỷ luật trong thời gian học từ mức khiển trách trở lên.
  - Khi chuyển sang học chương trình đào tạo chuẩn chính quy, các học phần nâng cao, bổ sung được chuyển đổi như sau:
    - Đối với học phần nâng cao, điểm học phần được giữ nguyên, số tín chỉ được quy đổi theo chương trình đào tạo chuẩn;
    - Đối với học phần bổ sung, Nhà trường xem xét cụ thể để quyết định thay thế bằng học phần khác trong chương trình đào tạo chuẩn hoặc xác nhận là học phần tự chọn tự do.
- b. Căn cứ chỉ tiêu đào tạo đã công bố, Thủ trưởng đơn vị đào tạo tổ chức xét tuyển bổ sung sinh viên vào học chương trình đào tạo chuẩn quốc tế, chất lượng cao nếu có đủ các điều kiện sau:
- Là sinh viên năm thứ hai hoặc năm thứ ba;
  - Ngành học phù hợp với ngành học có chương trình đào tạo chuẩn quốc tế, chất lượng cao;
  - Điểm trung bình chung các học phần tính đến thời điểm xét đạt từ 3,20 trở lên và trình độ tiếng Anh đạt chuẩn bậc 3 trở lên.
  - Điểm các học phần tương ứng với học phần trong chương trình đào tạo chuẩn quốc tế, chất lượng cao phải đạt từ B trở lên.
  - Tư cách đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật tốt.
- Đối với việc chuyển đổi điểm học phần trong chương trình đào tạo chuẩn sang điểm học phần nâng cao tương ứng, Thủ trưởng đơn vị đào tạo xem xét công nhận tương đương hoặc yêu cầu học bổ sung kiến thức.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN XIN LÙI THỜI HẠN XÉT TỐT NGHIỆP**

Kính gửi: Ban Giám hiệu Nhà trường  
(Qua Phòng Đào tạo)

Tên tôi là: ..... ; Mã SV:.....

Ngày sinh:..... ; Điện thoại liên hệ: .....

Ngành đào tạo:..... ; Khóa:.....

Trong thời gian qua tôi đã hoàn thành các yêu cầu trong chương trình đào tạo và đủ điều kiện để được tốt nghiệp, nay tôi làm đơn này xin được lùi thời hạn xét tốt nghiệp đợt: .....

lý do: .....

.....

.....

Rất mong được sự chấp thuận của Nhà trường.

Trân trọng cảm ơn./.

*Hà nội, ngày . . . tháng . . . năm . . . . .*

Người làm đơn

*(Ký tên, ghi rõ họ tên)*

# KẾ HOẠCH HỌC TẬP TOÀN KHOÁ

Mẫu 3

Họ và tên sinh viên: ..... Mã số sinh viên: .....

Mã lớp ..... Ngành đào tạo ..... Khoá .....

Năm học 200 - 200								
Học kỳ I			Học kỳ II			Học kỳ hè		
Mã MH	Tên học phần	Số TC	Mã MH	Tên học phần	Số TC	Mã MH	Tên học phần	Số TC
<b>Tổng số tín chỉ</b>			<b>Tổng số tín chỉ</b>			<b>Tổng số tín chỉ</b>		

Năm học 200 - 200								
Học kỳ I			Học kỳ II			Học kỳ hè		
Mã MH	Tên học phần	Số TC	Mã MH	Tên học phần	Số TC	Mã MH	Tên học phần	Số TC
<b>Tổng số tín chỉ</b>			<b>Tổng số tín chỉ</b>			<b>Tổng số tín chỉ</b>		

Năm học 200 - 200								
Học kỳ I			Học kỳ II			Học kỳ hè		
Mã MH	Tên học phần	Số TC	Mã MH	Tên học phần	Số TC	Mã MH	Tên học phần	Số TC
<b>Tổng số tín chỉ</b>			<b>Tổng số tín chỉ</b>			<b>Tổng số tín chỉ</b>		

Năm học 200 - 200								
Học kỳ I			Học kỳ II			Học kỳ hè		
Mã MH	Tên học phần	Số TC	Mã MH	Tên học phần	Số TC	Mã MH	Tên học phần	Số TC
<b>Tổng số tín chỉ</b>			<b>Tổng số tín chỉ</b>			<b>Tổng số tín chỉ</b>		

Hà nội, ngày tháng năm 20

**Ý kiến Cố vấn học tập**

**Sinh viên**